

Bản án số: 17/2023/DSPT

Ngày: 09-5-2023

V/ v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán:

Ông Hoàng Quý Sửu

Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - T1 ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐ - PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Xóm PĐ, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Ủy quyền cho: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm PĐ, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm PĐ, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1953. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm PĐ, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Bà Đặng Thị V1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm PĐ, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

3.2 Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm PĐ, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P (người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị V) trình bày:

Ngày 01 tháng 01 năm 1995 ông Nguyễn Văn P được UBND huyện Võ Nhai có quyết định giao đất, giao rừng. Năm 1998 ông Nguyễn Văn P được UBND huyện Võ Nhai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 04, khoảnh 5 tiểu khu 349 có tổng diện tích là 63100 m², mục đích sử dụng trồng rừng. Sau khi có quyết định giao đất gia đình ông Nguyễn Văn P vẫn để rừng tự nhiên. Đến năm 2014 gia đình ông Nguyễn Văn T đã phát một phần diện tích đất của gia đình ông P và trồng cây keo trên diện tích đất của gia đình ông P. Gia đình ông P đã nhắc ông T là không được trồng cây nhưng ông T vẫn trồng cây trên đất của gia đình ông P, đến năm 2017 thì gia đình ông P đã làm đơn ra UBND xã PG đề nghị giải quyết, do gia đình ông P và gia đình ông T là thông gia nên ông P đợi cho ông T khai thác bán cây thì trả lại đất cho ông P. Ngày 31/12/2018 thì UBND huyện Võ Nhai điều chỉnh lại diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình nhà ông do gia đình nhà ông đã hiến 4345,1 m² đất rừng sản xuất tại thửa số 4 để thực hiện xây dựng công trình đường giao thông Tràng Xá - PG, diện tích đất còn lại của thửa số 4 khoảnh 5 tiểu khu 349 là 58754,9 m². Đến đầu năm 2021 gia đình ông T khai thác bán cây, nhưng ông T không trả lại đất cho gia đình ông P mà vẫn tiếp tục trồng cây trên phần diện tích đất của ông P, nên ông P làm đơn khởi kiện ra UBND xã PG và đề nghị ông T ngừng trồng cây trên phần diện tích đất đang tranh chấp và đề nghị ông T phải phá bỏ toàn bộ cây keo trồng từ tháng 4/2021 và trả lại toàn bộ phần diện tích đất đã lấn chiếm mà gia đình ông Nguyễn Văn P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 04, khoảnh 5, tiểu khu 349.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về nguồn gốc đất hiện nay đang xảy ra tranh chấp là của bố mẹ đẻ ông Nguyễn Văn T khai phá từ năm 1991. Đến năm 2014 thì bố mẹ ông chia cho ông để canh tác và ông đã trồng cây Keo trên phần đất mà bố mẹ ông chia cho. Năm 2017 ông Nguyễn Văn P làm đơn khởi kiện và được UBND xã PG giải quyết và hai bên không tranh chấp nữa. Đến tháng 01/2021 ông T khai thác gỗ để bán, đến tháng 4/2021 ông T tiếp tục trồng cây Keo mới thì ông P tiếp tục làm đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết UBND xã PG đã yêu cầu ông T không được tiếp tục trồng Keo trên phần diện tích đang tranh chấp. Từ năm 1991 đến năm 2014 bố mẹ ông T chưa được giao đất giao rừng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ năm 2014 đến nay gia đình ông T chưa kê khai với cấp có thẩm quyền và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông P yêu cầu ông phá cây Keo và trả lại phần đất đang tranh chấp cho ông P gia đình ông T không nhất trí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị V1 (vợ ông P) ủy quyền cho chị V trình bày: Nguồn gốc khu đất tranh chấp là của gia đình nhà bà năm 1995 được nhà nước giao đất, giao rừng; năm 1998 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chồng bà là ông Nguyễn Văn P. Đến 2014 thì xảy ra tranh chấp vì ông T trồng cây keo lên một phần đất của gia đình bà, do hai gia đình có mối quan hệ thông gia nên

gia đình bà cho ông T thu hoạch cây keo xong thì trả lại đất cho gia đình bà. Đến tháng 1/2021 gia đình ông T thu hoạch cây keo nhưng gia đình ông T không trả lại đất cho gia đình bà, bà đề nghị ông T phải trả lại đất cho gia đình bà.

Bà Đỗ Thị T1 trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ chồng khai phá năm 1991 đến năm 2014 thì chia cho vợ chồng bà, vợ chồng bà đã trồng cây keo đến tháng 2/2021 thì thu hoạch keo, đến tháng 4/2021 thì gia đình bà đã trồng khoảng 1ha cây keo thì xảy ra tranh chấp. Nay bà không nhất trí trả lại đất cho gia đình ông P.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2022, bản trích đo hiện trạng đất do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu thực hiện xác định:

Phần diện tích đất đang xảy ra tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn P với ông Nguyễn Văn T có tổng diện tích là 12.572,2 m². Trên đất có 2011 cây Keo (ông Nguyễn Văn T trồng từ tháng 4/2021), thuộc thửa số 04, khoảnh 5, tiểu khu 349. Ngày 01/1/1995 UBND huyện Võ Nhai đã có quyết định giao đất, giao rừng cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn P, đến năm 1998 UBND huyện Võ Nhai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn P tổng diện tích 63100 m². Năm 2018 UBND huyện Võ Nhai đã điều chỉnh lại diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình nhà ông P do gia đình nhà ông P đã hiến 4345,1 m² đất rừng sản xuất tại thửa số 4 để thực hiện xây dựng công trình đường giao thông Tràng Xá - PG, diện tích đất còn lại của thửa số 4 khoảnh 5 tiểu khu 349 là 58754,9 m². Quá trình thẩm định xác định diện tích đất tranh chấp là 12.572,2 m² nằm trong tổng diện tích 58754,9 m² thuộc thửa số 4 khoảnh 5 tiểu khu 349 ông Nguyễn Văn P đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về định giá đất và tài sản trên đất:

- Giá đất: 12,572,2 m² x 12.000 đồng/01m² = 150.866.400 đồng.

- Trên đất có 2011 cây Keo, đường kính gốc trung bình từ 02 cm đến 05 cm có giá trị 2011 cây x 14.500 đồng/01 cây = 29.159.500 đồng.

Tổng giá trị về đất và tài sản trên đất là:

150.866.400 đồng + 29.159.500 đồng = 180.025.900 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn T.

2.Buộc ông Nguyễn Văn T phải khai thác 2011 cây keo và trả lại cho ông Nguyễn Văn P 12572,2 m² đất nằm trong tổng diện tích 63100 m² (sau hiến đất diện tích còn lại là 58754,9 m²) thuộc thửa số 04, khoảnh 5, tiểu khu 349 ông Nguyễn Văn P đã được UBND huyện Võ Nhai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022 ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông T không nhất trí bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã Ủy thác tư pháp đến Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai thu thập chứng cứ các sổ theo dõi, quản lý đất tại UBND xã PG huyện Võ Nhai đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 349/5, diện tích 63.100.000m². Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông P là nguyên đơn và bà V là người đại diện theo uỷ quyền của ông P và bà V1, ông T là bị đơn và bà T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 nhất trí trả lại cho ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị V1 diện tích 7.072,2m² đất T.R, thửa đất số 04 tờ bản đồ 349/5 tại vị trí: số (1) có diện tích là 2061,6m² đất T.R trên bản trích đo hiện trạng đất tại các điểm 1,2,3,4,5,6,7,27,A,26,1 và tại vị trí số (2) có diện tích là 5010,6m² đất T.R trên sơ đồ tại các điểm A,27,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,B,A trên bản trích đo hiện trạng đất tháng 5/2023, đất đã được được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/02/1998 mang tên ông Nguyễn Văn P tại xã PG, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị V1 được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ cây trồng trên diện tích 7.072,2m² đất T.R (có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 được quyền quản lý và sử dụng diện tích 5.500m² đất T.R, thửa đất số 04 tờ bản đồ 349/5 tại vị trí số (3) trên bản trích đo hiện trạng đất tại các điểm 1,26,A,B,18,19,20,21,22,23,24,25,1. Đất đã được được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/02/1998 mang tên ông Nguyễn Văn P tại xã PG, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ cây trồng trên diện tích 5.500m² đất T.R (có sơ đồ kèm theo)

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản trả lại cho ông P và bà V1 theo biên bản định giá ngày 24/8/2022.

Về lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm ông P nhận nộp toàn bộ (đã thu và chi hết).

Lệ phí xem xét thẩm định tại cấp P thẩm ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu số tiền là 4.700.000đồng (đã thu và chi hết).

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm số 09/2022/DS- ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên toà phúc thẩm ông P là nguyên đơn và bà V là người đại diện theo uỷ quyền của ông P và bà V1, ông T là bị đơn và bà T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 nhất trí trả lại cho ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị V1 diện tích 7.072,2m² đất T.R tại thửa đất số 04 tờ bản đồ 349/5 tại vị trí số (1) và (2) trên bản trích đo hiện trạng đất tháng 5/2023, đất đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/02/1998 mang tên ông Nguyễn Văn P tại xã PG, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị V1 được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ cây trồng trên diện tích 7.072,2m² đất T.R (có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 được quyền quản lý và sử dụng diện tích 5.500m² đất T.R tại thửa đất số 04 tờ bản đồ 349/5 tại vị trí số (3) trên bản trích đo hiện trạng đất tháng 5/2023 đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/02/1998 mang tên ông Nguyễn Văn P tại xã PG, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ cây trồng trên diện tích 5.500m² đất T.R (có sơ đồ kèm theo) .

Các đương sự không phải thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho nhau.

Hội đồng xét xử thấy, thoả thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS- ST ngày 27/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà T1 có trách nhiệm trả cho ông P và bà V1 là 7.072,2m² đất T.R, theo biên bản định giá thì giá trị đất là 12.000đ/1m². Do vậy ông T và bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản trả lại cho ông P và bà V1 theo quy định.

Về lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm ông P nhận nộp toàn bộ (đã thu và chi hết). Lệ phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu (đã thu và chi hết).

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 157; Điều 165; Điều 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn P (người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị V1 là bà Nguyễn Thị V) và ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị T1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” như sau:

1.1 Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 nhất trí trả lại cho ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị V1 diện tích 7.072,2m² đất T.R tại thửa đất số 04 tờ bản đồ 349/5 theo vị trí số (1) có diện tích là 2061,6m² đất T.R trên sơ đồ tại các điểm 1,2,3,4,5,6,7,27,A,26,1 và tại vị trí số (2) có diện tích là 5010,6m² đất T.R trên sơ đồ tại các điểm A,27,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,B,A (có sơ đồ kèm theo). Đất đã được được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/02/1998 mang tên ông Nguyễn Văn P tại xã PG, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị V1 được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ cây trồng trên diện tích 7.072,2m² đất T.R. Ông P và bà V1 không phải thanh toán giá trị cây trồng trên diện tích đất cho ông T và bà T1.

1.2 Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 được quyền quản lý và sử dụng diện tích 5.500m² đất T.R cùng toàn bộ tài sản trên đất được giao tại thửa đất số 04 tờ bản đồ 349/5, đất đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/02/1998 mang tên ông Nguyễn Văn P tại xã PG, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể: Vị trí số (3) trên sơ đồ tại các điểm 1,26,A,B,18,19,20,21,22,23,24,25,1. (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp đất theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005010 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1 phải chịu 4.243.320 đồng (bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về lệ phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 4.700.000đồng (đã thực hiện xong)

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai;
- THADS Huyện Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương